**CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI**

**(Vũ Khoan)**

**I. Đọc – tìm hiểu chú thích**

1. **Tác giả:** Vũ Khoan
2. **Tác phẩm:**

**a. Thể loại**: nghị luận

**b. Xuất xứ:** đăng trên tạp chí “Tia sáng” năm 2001

**c. Đại ý**: phân tích sâu sắc những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam. Từ đó kêu gọi mọi người phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để bước vào thế kỉ mới

**II. Đọc – tìm hiểu văn bản**

1. **Luận điểm cơ bản**

- Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn luyện những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới

**2. Phân tích hệ thống luận cứ**

1. Sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất
2. Bối cảnh thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước
3. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam

\* Điểm mạnh

- Thông minh nhạy bén với cái mới

- Cần cù, sáng tạo, tháo vát

- Có tinh thần đùm bọc, đoàn kết, nhất là trong cuộc chiến chống ngoại xâm

- Bản tình thích ứng nhanh, nắm bát cơ hội

\* Điểm yếu

- Thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành

- Thiếu tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương

- Đố kị trong việc làm ăn, trong cuộc sống thường ngày

- Kì thị kinh doanh, quen với bao cấp, sừng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói “khôn vặt”, không coi trọng chữ “tín”.

**3. Khẳng định tầm quan trọng của việc phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đối với sự phát triển đất nước.**

**III. Ghi nhớ: (**SGK/30)

**IV. Luyện tập:**

Viết bài văn nghị luận ngắn nêu suy nghĩ của em về một điểm yếu của con người Việt Nam

**V. Dặn dò**

- Đọc lại văn bản

- Học Ghi nhớ

- Làm bài tập

- Soạn bài tt

**CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**(Tiếp theo)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VD1/ 31**   1. Này, bác có biế… thế không?   → Dùng để gọi  → Tạo lập quan hệ giao tiếp   1. Thưa ông, chúng cháu…   → Dùng để đáp  → Duy trì quan hệ giao tiếp  =>Thành phần gọi đáp  **VD2/31,32**   1. Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi 2. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm   => Thành phần phụ chú | **II. Bài học**  **1. Thế nào là thành phần gọi – đáp?**  - Thành phần gọi đáp được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp  **2. Thế nào là thành phần phụ chú?**  - TPPC được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu  \* Lưu ý: - TPPC thường đặt giữa  + 2 dấu phẩy  + 2 dấu gạch ngang  + 2 dấu ngoặc đơn  + 1 gạch ngang và 1 dấu phẩy  + Đôi khi được đặt sau dấu 2 chấm |

**III. Luyện tập**

**IV. Dặn dò**

- Học Ghi nhớ

- Soạn bài tt

**CHÓ SÓI VÀ CỪU**

**TRONG THƠ NGỤ NGÔN CỦA LA PHÔNG-TEN**

**(Hi-pô-lít Ten)**

**I. Đọc – tìm hiểu chú thích**

**1. Tác giả:** Hi-pô-lít Ten

**2. Tác phẩm:**

**a. Thể loại:** nghị luận văn học

**b. Xuất xứ:** Trích chương II, phần thứ hai của công trình nghiên cứu “La Phông-ten và thơ ngụ ngôn của ông”

**c. Đại ý**: Hình tượng chó sói và cừu qua cách nhìn của nhà thơ La Phông-ten và nhà khoa học Buy-phông

**d. Bốc cục:** 2 đoạn

**II. Đọc – tìm hiểu văn bản**

**1. Hình tượng cừu non**

|  |  |
| --- | --- |
| La Phông-ten  - Tội nghiệp  - Nhẫn nhục  - Tốt bụng  - Thương con  → Kẻ yếu duối, bị ức hiếp, đáng thương | Buy-phông  - Ngu ngốc, sợ sệt  - Đần độn  - Thụ động, bắt chước  → Nêu đặc tính vốn có của loài cừu |

**2. Hình tượng chó sói**

|  |  |
| --- | --- |
| La Phông-ten  - Gã bạo chúa khát máu  - Tên trộm cướp  - Gã vô lại  - Khốn khổ  - Bất hạnh  → Căm ghét loài sói xấu xa nhưng vẫn thương cảm, tội nghiệp | Buy-phông  - Thù ghét sự kết bạn  - Thích chinh chiến  - Lặng lẽ  - Sống có hại  - Chết vô dụng  → Nêu rõ bản chất loài sói |

**III. Ghi nhớ** (SGK/ 41)

**IV. Dặn dò**

- Xem lại bài

- Soạn bài tt

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I. Tìm hiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**

\* Văn bản: Tri thức là sức mạnh

- Nội dung: vai trò của tri thức đối với cuộc sống

- Bố cục 3 phần:

+ Đoạn 1: nêu vấn đề

+ Đoạn 2,3: dùng dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề

+ Đoạn 4: phê phán một số người không biết quý trọng hoặc sử dụng tri thức không đúng chỗ

**II. Ghi nhớ** (SGK/ 36)

**III. Luyện tập**

**IV. Dặn dò:**

* Xem lại bài
* đọc kĩ 2 văn bản
* Học Ghi nhớ
* Soạn bài tt

**HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM**

**CON CÒ**

**(Chế Lan Viên)**

**I. Đọc – tìm hiểu chú thích**

1. Tác giả

2. Tác phẩm

**II. Đọc – tìm hiểu văn bản**1. Hình ảnh con cò qua những lời ru bắt đầu đến với tuổi ấu thơ

2. Hình ảnh con cò đi vào tiềm thức tuổi thơ, trở nên gần gũi và sẽ theo con người trên mọi chặng đường đời

3. Từ hình ảnh con cò, suy ngẫm và triết lí về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi con người

**III. Ghi nhớ** (SGK/48)

**Liên KẾT câu và liên KẾT ĐOẠN VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VDI/42:**  - Nội dung: Bàn về cách phản ánh thực tại của  người nghệ sĩ  - Ý 3 câu đều hướng vào chủ đề của đoạn  → Liên kết chủ đề   * Câu 1, 2, 3, sắp sếp trình tự hợp lí   → Liên kết lo-gic  - Tác phẩm – tác phẩm  → Phép lặp  - Cái đã có rồi - những vật liệu mượn ở thực tại  → Phép đồng nghĩa  - Tác phẩm – nghệ sĩ  → Phép liên tưởng  - Anh – nghệ sĩ  → Phép thế  - Nhưng  → Phép nối | **II. Bài học**  - HS chép ghi nhớ SGK/ 43 |

**III. Luyện tập**

\* Liên kết chủ đề: khảng định năng lực trí tuệ của con người VN đồng thời nêu lên điểm mạnh điểm yếu và những biện pháp cần khắc phục  
- Nội dung trong các câu trong đoạn lí giải, bổ sung, phân tích cho chủ đề của đoạn  
\* Liên kết lo-gic: Trình bày theo trình tự hợp lí:  
- câu 1: cái mạnh của người VN  
- câu 2: lợi thế của điểm mạnh  
- câu 3: đề cập đến điểm yếu  
- câu 4: chỉ ra từng điểm yếu  
- câu 5: hướng khắc phục

\* Liên kết hình thức

- Bản chất trời phú ấy - thông minh, nhạy bén → Phép đồng nghĩa

- Nhưng → phép nối

- Ấy → phép thế

- Lỗ hổng → phép lặp

- Thông minh→ phép lặp

**IV. Dặn dò**

- Học Ghi nhớ

- Soạn bài tt

**LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**(Luyện tập)**

**BT1/50**

- Liên kết câu: trường học – trường học (phép lặp)  
- Liên kết đoạn: như thế (phép thế)

- Liên kết câu: văn nghệ - văn nghệ (phép lặp)  
- Liên kết đoạn: sự sống – sự sống; văn nghệ - văn nghệ (phép lặp)  
c)  
- Liên kết câu: thời gian, con người (phép lặp)

d)  
- Liên kết câu: hiền - ác; yếu - mạnh (phép trái nghĩa)   
**BT2/50:**   
Thời gian vật lí - thời gian tâm lí  
vô hình - hữu hình  
giá lạnh - nóng bỏng  
thẳng tắp - hình tròn  
đều đặn - lúc nhanh, lúc chậm  
**BT3/50:**  
a) Lỗi về liên kết nội dung: các câu trong đoạn văn không phục vụ chủ đềchung của đoạn  
b)Lỗi về lien kết nội dung: Trật tự các sự việc nêu trong các câu không hợp lí

\* Dặn dò:

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*  
**CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**- Mỗi đề bài đề cập đến một vấn đề tư tưởng đạo lí  
- So sánh  
+ Đề 1, 3, 10: Có mệnh lệnh làm bài (suy nghĩ, bàn)

+ Các đề còn lại không có mệnh lệnh làm bài  
**II. Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí**Đề bài:suy nghĩ về đạo lí “Uồng nước nhớ nguồn”  
1. Tìm hiểu đề và tìm ý (SGK/52)  
2. Lập dàn ý: (SGK 52, 53)

3. Viết bài (SGK 53, 54)

4. Đọc bài và sửa

**DÀN Ý CHUNG**

**Mở bài:** Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận  
**Thân bài**   
1. Giải thích  
- Nghĩa đen – nghĩa bóng (ca dao, tục ngữ)  
- Nghĩa từ - nghĩa vế - nghĩa câu  
2. Nhận xét đúng - sai (Trả lời câu hỏi Tại sao?)  
3. Dẫn chứng  
4. Phê phán  
5. Nhận thức và hành động của bản thân  
**Kết bài:** Nêu suy nghĩ về vấn đề

/1980 , khi tác giả đang nằm trên giường bệnh

**CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI**

**(Vũ Khoan)**

**I. Đọc – tìm hiểu chú thích**

1. **Tác giả:** Vũ Khoan
2. **Tác phẩm:**

**a. Thể loại**: nghị luận

**b. Xuất xứ:** đăng trên tạp chí “Tia sáng” năm 2001

**c. Đại ý**: phân tích sâu sắc những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam. Từ đó kêu gọi mọi người phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để bước vào thế kỉ mới

**II. Đọc – tìm hiểu văn bản**

1. **Luận điểm cơ bản**

- Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn luyện những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới

**2. Phân tích hệ thống luận cứ**

1. Sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất
2. Bối cảnh thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước
3. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam

\* Điểm mạnh

- Thông minh nhạy bén với cái mới

- Cần cù, sáng tạo, tháo vát

- Có tinh thần đùm bọc, đoàn kết, nhất là trong cuộc chiến chống ngoại xâm

- Bản tình thích ứng nhanh, nắm bát cơ hội

\* Điểm yếu

- Thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành

- Thiếu tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương

- Đố kị trong việc làm ăn, trong cuộc sống thường ngày

- Kì thị kinh doanh, quen với bao cấp, sừng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói “khôn vặt”, không coi trọng chữ “tín”.

**3. Khẳng định tầm quan trọng của việc phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đối với sự phát triển đất nước.**

**III. Ghi nhớ: (**SGK/30)

**IV. Luyện tập:**

Viết bài văn nghị luận ngắn nêu suy nghĩ của em về một điểm yếu của con người Việt Nam

**V. Dặn dò**

- Đọc lại văn bản

- Học Ghi nhớ

- Làm bài tập

- Soạn bài tt

**CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**(Tiếp theo)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VD1/ 31**   1. Này, bác có biế… thế không?   → Dùng để gọi  → Tạo lập quan hệ giao tiếp   1. Thưa ông, chúng cháu…   → Dùng để đáp  → Duy trì quan hệ giao tiếp  =>Thành phần gọi đáp  **VD2/31,32**   1. Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi 2. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm   => Thành phần phụ chú | **II. Bài học**  **1. Thế nào là thành phần gọi – đáp?**  - Thành phần gọi đáp được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp  **2. Thế nào là thành phần phụ chú?**  - TPPC được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu  \* Lưu ý: - TPPC thường đặt giữa  + 2 dấu phẩy  + 2 dấu gạch ngang  + 2 dấu ngoặc đơn  + 1 gạch ngang và 1 dấu phẩy  + Đôi khi được đặt sau dấu 2 chấm |

**III. Luyện tập**

**IV. Dặn dò**

- Học Ghi nhớ

- Soạn bài tt

**CHÓ SÓI VÀ CỪU**

**TRONG THƠ NGỤ NGÔN CỦA LA PHÔNG-TEN**

**(Hi-pô-lít Ten)**

**I. Đọc – tìm hiểu chú thích**

**1. Tác giả:** Hi-pô-lít Ten

**2. Tác phẩm:**

**a. Thể loại:** nghị luận văn học

**b. Xuất xứ:** Trích chương II, phần thứ hai của công trình nghiên cứu “La Phông-ten và thơ ngụ ngôn của ông”

**c. Đại ý**: Hình tượng chó sói và cừu qua cách nhìn của nhà thơ La Phông-ten và nhà khoa học Buy-phông

**d. Bốc cục:** 2 đoạn

**II. Đọc – tìm hiểu văn bản**

**1. Hình tượng cừu non**

|  |  |
| --- | --- |
| La Phông-ten  - Tội nghiệp  - Nhẫn nhục  - Tốt bụng  - Thương con  → Kẻ yếu duối, bị ức hiếp, đáng thương | Buy-phông  - Ngu ngốc, sợ sệt  - Đần độn  - Thụ động, bắt chước  → Nêu đặc tính vốn có của loài cừu |

**2. Hình tượng chó sói**

|  |  |
| --- | --- |
| La Phông-ten  - Gã bạo chúa khát máu  - Tên trộm cướp  - Gã vô lại  - Khốn khổ  - Bất hạnh  → Căm ghét loài sói xấu xa nhưng vẫn thương cảm, tội nghiệp | Buy-phông  - Thù ghét sự kết bạn  - Thích chinh chiến  - Lặng lẽ  - Sống có hại  - Chết vô dụng  → Nêu rõ bản chất loài sói |

**III. Ghi nhớ** (SGK/ 41)

**IV. Dặn dò**

- Xem lại bài

- Soạn bài tt

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I. Tìm hiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**

\* Văn bản: Tri thức là sức mạnh

- Nội dung: vai trò của tri thức đối với cuộc sống

- Bố cục 3 phần:

+ Đoạn 1: nêu vấn đề

+ Đoạn 2,3: dùng dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề

+ Đoạn 4: phê phán một số người không biết quý trọng hoặc sử dụng tri thức không đúng chỗ

**II. Ghi nhớ** (SGK/ 36)

**III. Luyện tập**

**IV. Dặn dò:**

* Xem lại bài
* đọc kĩ 2 văn bản
* Học Ghi nhớ
* Soạn bài tt

**HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM**

**CON CÒ**

**(Chế Lan Viên)**

**I. Đọc – tìm hiểu chú thích**

1. Tác giả

2. Tác phẩm

**II. Đọc – tìm hiểu văn bản**1. Hình ảnh con cò qua những lời ru bắt đầu đến với tuổi ấu thơ

2. Hình ảnh con cò đi vào tiềm thức tuổi thơ, trở nên gần gũi và sẽ theo con người trên mọi chặng đường đời

3. Từ hình ảnh con cò, suy ngẫm và triết lí về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi con người

**III. Ghi nhớ** (SGK/48)

**Liên KẾT câu và liên KẾT ĐOẠN VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VDI/42:**  - Nội dung: Bàn về cách phản ánh thực tại của  người nghệ sĩ  - Ý 3 câu đều hướng vào chủ đề của đoạn  → Liên kết chủ đề   * Câu 1, 2, 3, sắp sếp trình tự hợp lí   → Liên kết lo-gic  - Tác phẩm – tác phẩm  → Phép lặp  - Cái đã có rồi - những vật liệu mượn ở thực tại  → Phép đồng nghĩa  - Tác phẩm – nghệ sĩ  → Phép liên tưởng  - Anh – nghệ sĩ  → Phép thế  - Nhưng  → Phép nối | **II. Bài học**  - HS chép ghi nhớ SGK/ 43 |

**III. Luyện tập**

\* Liên kết chủ đề: khảng định năng lực trí tuệ của con người VN đồng thời nêu lên điểm mạnh điểm yếu và những biện pháp cần khắc phục  
- Nội dung trong các câu trong đoạn lí giải, bổ sung, phân tích cho chủ đề của đoạn  
\* Liên kết lo-gic: Trình bày theo trình tự hợp lí:  
- câu 1: cái mạnh của người VN  
- câu 2: lợi thế của điểm mạnh  
- câu 3: đề cập đến điểm yếu  
- câu 4: chỉ ra từng điểm yếu  
- câu 5: hướng khắc phục

\* Liên kết hình thức

- Bản chất trời phú ấy - thông minh, nhạy bén → Phép đồng nghĩa

- Nhưng → phép nối

- Ấy → phép thế

- Lỗ hổng → phép lặp

- Thông minh→ phép lặp

**IV. Dặn dò**

- Học Ghi nhớ

- Soạn bài tt

**LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**(Luyện tập)**

**BT1/50**

- Liên kết câu: trường học – trường học (phép lặp)  
- Liên kết đoạn: như thế (phép thế)

- Liên kết câu: văn nghệ - văn nghệ (phép lặp)  
- Liên kết đoạn: sự sống – sự sống; văn nghệ - văn nghệ (phép lặp)  
c)  
- Liên kết câu: thời gian, con người (phép lặp)

d)  
- Liên kết câu: hiền - ác; yếu - mạnh (phép trái nghĩa)   
**BT2/50:**   
Thời gian vật lí - thời gian tâm lí  
vô hình - hữu hình  
giá lạnh - nóng bỏng  
thẳng tắp - hình tròn  
đều đặn - lúc nhanh, lúc chậm  
**BT3/50:**  
a) Lỗi về liên kết nội dung: các câu trong đoạn văn không phục vụ chủ đềchung của đoạn  
b)Lỗi về lien kết nội dung: Trật tự các sự việc nêu trong các câu không hợp lí

\* Dặn dò:

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*  
**CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**- Mỗi đề bài đề cập đến một vấn đề tư tưởng đạo lí  
- So sánh  
+ Đề 1, 3, 10: Có mệnh lệnh làm bài (suy nghĩ, bàn)

+ Các đề còn lại không có mệnh lệnh làm bài  
**II. Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí**Đề bài:suy nghĩ về đạo lí “Uồng nước nhớ nguồn”  
1. Tìm hiểu đề và tìm ý (SGK/52)  
2. Lập dàn ý: (SGK 52, 53)

3. Viết bài (SGK 53, 54)

4. Đọc bài và sửa

**DÀN Ý CHUNG**

**Mở bài:** Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận  
**Thân bài**   
1. Giải thích  
- Nghĩa đen – nghĩa bóng (ca dao, tục ngữ)  
- Nghĩa từ - nghĩa vế - nghĩa câu  
2. Nhận xét đúng - sai (Trả lời câu hỏi Tại sao?)  
3. Dẫn chứng  
4. Phê phán  
5. Nhận thức và hành động của bản thân  
**Kết bài:** Nêu suy nghĩ về vấn đề